

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/2022/QĐST-VDS
V/v: *Yêu cầu hủy kết hôn trái
pháp luật*

Thái Thụy, ngày 07 tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v Yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY - TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Văn Vương.

Thư ký phiên họp: Bà Lê Nhật Khánh - Thư ký Tòa án.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên họp: Bà
Trần Thị Hoàn - Kiểm sát viên.*

Ngày 07 tháng 7 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 02/2022/TLST-VDS ngày 21 tháng 4 năm 2022 về việc “Yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 02/2022/QĐST- VDS ngày 23 tháng 5 năm 2022 và quyết định hoãn phiên họp số 01/2022/QĐST – VDS ngày 07/6/2022, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

* Người yêu cầu: Nguyễn Đức M, sinh năm 198xx(Có mặt)

Địa chỉ: , huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- UBND xã A, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Hồng T – Chủ tịch UBND xã A (Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 19xx (Vắng mặt lần thứ hai không có lý do)

Nơi cư trú: , huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương.

(Khi kết hôn với anh M khai tên là Nguyễn Văn Anh, sinh năm 1988; nơi cư trú: Khu phố 6 phường Hồng Hà, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh).

NỘI DUNG VỤ VIỆC

* Tại đơn yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật, các lời khai tiếp theo và tại phiên họp anh Nguyễn Đức M trình bày:

Khoảng cuối năm 2017, đầu năm 2018, khi anh làm về kỹ thuật, âm thanh, ánh sáng tại Đà Nẵng thì quen biết với chị Nguyễn Thị H, khi đó chị H giới thiệu tên là Nguyễn VĂN A tại Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi quen biết nhau một thời gian anh và chị H đã chung sống như vợ chồng. Trong thời gian chung sống chị H

xung tên là Nguyễn Văn Anh, sinh năm 1988; địa chỉ khu phố 6 phường Hồng Hà, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh và sử dụng các giấy tờ tùy thân như chứng minh thư nhân dân và thẻ ngân hàng đều mang tên Nguyễn Văn Anh. Đến khoảng giữa năm 2018 thì chị H (khai tên Văn Anh) có thai. Anh và chị H bàn bạc và quyết định đi đến hôn nhân nhưng do lúc đó, anh và chị H bận làm ăn và sinh sống tại thành phố Hồ Chí Minh nên không tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn và hai bên gia đình chưa gặp mặt nhau mà chỉ nói chuyện qua điện thoại. Đến đầu năm 2019, khi chị H mang thai đã được 7 tháng, anh và chị H mới về UBND xã Thụy Liên, huyện Thái Thụy để làm thủ tục đăng ký kết hôn. Khi làm thủ tục, kê khai đăng ký kết hôn, chị H nộp các giấy tờ là chứng minh thư nhân dân và giấy xác nhận tình trạng hôn nhân đều mang tên là Nguyễn Văn Anh. UBND xã A đã kiểm tra giấy tờ hợp lệ và cấp giấy chứng nhận kết hôn số 01 ngày 02/01/2019 mang tên Nguyễn Đức M và Nguyễn Văn Anh. Sau khi kết hôn 01 tháng thì người xung tên Nguyễn VĂN Abị công an Hải Dương bắt giữ vì đang bị truy nã. Lúc này, anh mới biết người anh đã chung sống như vợ chồng và đăng ký kết hôn có tên thật là Nguyễn Thị H, sinh năm 1984; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn C, xã Q (Nay là xã B), huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương. Khi đăng ký kết hôn với anh, chị H đã sử dụng chứng minh thư nhân dân giả và giấy xác nhận tình trạng hôn nhân giả mang tên Nguyễn VĂN A để kết hôn. Tuy nhiên thời gian đó, do không hiểu biết pháp luật nên anh M chưa làm đơn tố cáo chị H tội làm giả và sử dụng giấy tờ, con dấu giả. Đến cuối năm 2021 anh M mới làm đơn tố giác hành vi trên của chị H đến công an huyện Thái Thụy. Công an huyện Thái Thụy đã điều tra xác minh, xác định giấy xác nhận tình trạng hôn nhân mang tên Nguyễn VĂN A là giả. Nay anh làm đơn này đề nghị Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh và chị Nguyễn Thị H (tức Nguyễn VĂN A trong giấy đăng ký kết hôn) do chị Nguyễn Thị H lừa dối anh để kết hôn và đề nghị Tòa án hủy giấy chứng nhận kết hôn số 01 ngày 02/01/2019 của UBND xã Thụy Liên, huyện Thái Thụy.

Về con chung: Trong thời gian anh và chị H chung sống như vợ chồng chị H đã có thai. Khi chị H bị công an tỉnh Hải Dương bắt theo lệnh truy nã thì chị H đang mang thai con chung của anh và chị H. Chị H đã sinh con khi đang chấp hành án phạt tù tại trại giam Ninh Khánh. Sau khi chị H sinh con, anh đã đến thăm nom và cùng chị H làm thủ tục đăng ký khai sinh cho con chung của anh chị tên là Nguyễn Ngọc Diệp C1, sinh ngày 13/3/2019 với tên bố là Nguyễn Đức M, tên mẹ là Nguyễn Thị H. Từ khi sinh con chung đến nay con chung do chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Sau khi hủy kết hôn, anh M đề nghị Tòa án tiếp tục giao cho chị H nuôi dưỡng con chung. Anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cùng chị Nguyễn Thị H số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) một tháng kể từ tháng 07 năm 2022 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh và chị H không có nợ chung, không có tài sản chung, nợ chung. Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản lấy lời khai của bà Nguyễn Thị L là mẹ đẻ chị Nguyễn Thị H, bà L trình bày:

Từ sau khi ra tù khoảng tháng 5 năm 2021, con bà là chị Nguyễn Thị H dẫn theo con là cháu Diệp C1 đi làm ăn xa, bà không biết địa chỉ cụ thể. Bà đã thay chị H nhận các văn bản tố tụng của Tòa án. Khi Tòa án đến làm việc cùng bà Luyến, bà Luyến đã liên lạc với chị H qua điện thoại trước sự chứng kiến của công an xã Ứng Hòa. Chị H đã nói quan điểm của chị H về việc anh M yêu cầu hủy kết hôn với chị, cụ thể như sau:

Chị H xác nhận có chung sống như vợ chồng với anh M từ năm 2018 và có mang thai. Đến đầu năm 2019 vì đang trốn tránh pháp luật nên chị H đã sử dụng giấy tờ giả mang tên Nguyễn VĂN Ở Quảng Ninh để kết hôn với anh M. Mục đích kết hôn là để có thể làm giấy khai sinh cho con chung của chị H và anh M. Nhưng sau khi kết hôn được khoảng 01 tháng chưa sinh con thì chị H bị bắt. Sau đó chị H đã sinh con tại trại giam Ninh Khánh. Anh M đã đến thăm nom và cùng chị làm các thủ tục để làm giấy khai sinh cho con chung là Nguyễn Ngọc Diệp C1, sinh ngày 13/3/2019. Từ khi sinh con đến nay, chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu C1. Nay anh M xin hủy kết hôn, chị đồng ý. Về con chung chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung không có chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị hiện nay đang lao động tự do, không có địa chỉ cụ thể và vì phải nuôi con nhỏ chị không đến Tòa án theo giấy triệu tập của Tòa án được chị yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt chị.

* Công an huyện Thái Thụy đã điều tra và cung cấp cho Tòa án bản sao các biên bản xác minh của công an huyện Thái Thụy tại UBND phường Hồng Hà và Công an phường Hồng Hà thể hiện không có ai tên là Nguyễn VĂN Tại khu phố 6, phường Hồng Hà, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh và không xác định được thông tin của số CMTND 102963870 mang tên Nguyễn Văn Anh; Tại kết luận giám định số 21 ngày 14/2/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 167/UBND – XNTTHN ngày 24/12/2018 của UBND phường Hồng Hà mang tên Nguyễn VĂN Adùng để kết hôn với anh M là giả. Tại biên bản xác minh ngày 28/12/2021 của công an huyện Thái Thụy tại thôn C, xã B, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương thì chị Nguyễn Thị H không có mặt ở địa phương, chị H đi đâu làm gì địa phương không biết, đã lâu chị H không về địa phương. Vì chưa lấy được lời khai của chị H nên Công an huyện Thái Thụy đã ra quyết định tạm đình chỉ tin báo.

* Tại đơn đề nghị và biên bản xác minh 28/4/2022, đại diện UBND xã A cung cấp: Ngày 02/01/2019, anh Nguyễn Đức M là công dân xã A, chưa đăng ký kết hôn đã cùng người xưng tên Nguyễn VĂN Đến UBND xã đề nghị được đăng ký kết hôn. Căn cứ vào giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 167/UBND – XNTTHN ngày 24/12/2018 của UBND phường Hồng Hà, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh và giấy chứng minh thư nhân dân số 102963870 cấp ngày 12/12/2013 mang tên Nguyễn Văn Anh. UBND xã A đã đăng ký kết hôn cho anh M và chị VĂN Atheo đúng trình tự của pháp luật. Đến nay, UBND xã A được biết, giấy xác nhận đăng ký kết hôn và chứng minh thư nhân dân của mang tên Nguyễn VĂN Alà giả. UBND xã khẳng định tại thời điểm kết hôn, UBND xã không biết các giấy tờ trên là giả.

Nay anh M yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật với giữa anh và chị Nguyễn Văn Anh, UBND xã đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Theo hồ sơ lưu trữ tại UBND xã A thì anh chị không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

* Theo biên bản xác minh tại UBND xã B, Công an xã B và công chức tư pháp xã B cung cấp: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1984; có hộ khẩu thường trú tại thôn C, xã B. Tháng 5 năm 2021 sau khi chấp hành xong án phạt tù chị H đã đến công an xã B trình báo và làm căn cước công dân. Sau đó chị H đi khỏi địa phương, không trình báo đi đâu, làm gì. Theo hồ sơ lưu trữ tại công an xã thì chị H có người con tên là Nguyễn Ngọc Diệp C1, sinh ngày 13/3/2019. Cháu C1 có tên cha là Nguyễn Đức M.

Tại phiên họp đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của các đương sự đều tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng Căn cứ Điều 5, 8, 10, 11, 12 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Thông tư liên tịch số 01/2016/TLLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016, Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH về án phí, lệ phí tòa án: Đề nghị hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh Nguyễn Đức M và chị Nguyễn Thị H (Khi kết hôn với anh M khai tên là Nguyễn Văn Anh). Hủy giấy chứng nhận kết hôn số 01 cấp ngày ngày 02/01/2019 do Ủy ban nhân dân xã A cấp). Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Diệp C1, sinh ngày 13/3/2019. Anh Nguyễn Đức M tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu C1 số tiền là 1.000.000 đồng một tháng kể từ tháng 7 năm 2022 đến khi cháu C1 18 tuổi. Về tài sản chung không đặt ra giải quyết. Về lệ phí: người yêu cầu phải nộp lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Thái Thụy tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Anh Nguyễn Đức M yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị Nguyễn Thị H (Trong giấy chứng nhận kết hôn mang tên Nguyễn Văn Anh) và anh Nguyễn Đức M đăng ký kết hôn tại UBND xã Thụy Liên, huyện Thái Thụy. Căn cứ khoản 1 Điều 29, điểm g khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ pháp luật là “Hủy kết hôn trái pháp luật” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

[1.2]. Đại diện UBND xã A vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị trình bày ý kiến và xin vắng mặt tại phiên họp, chị H đã được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt.

Căn cứ khoản 3 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt ông Tuấn và chị H.

[2]. Về nội dung: Khi đăng ký kết hôn với anh M, chị Nguyễn Thị H đã dùng chứng minh thư nhân dân và xác nhận tình trạng hôn nhân mang tên Nguyễn VĂN Để để đăng ký kết hôn tại UBND xã Thụy Liên, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. Tuy nhiên UBND xã Thụy Liên, huyện Thái Thụy không biết việc này, không phát hiện ra giấy xác nhận tình trạng hôn nhân và chứng minh thư nhân dân là giả nên UBND xã A đã thực hiện việc đăng ký kết hôn cho anh M và người mang tên VĂN Atheo giấy chứng nhận kết hôn số 01 ngày 02/01/2019. Tại phiên họp, anh M vẫn giữ nguyên yêu cầu hủy kết hôn giữa anh và chị Nguyễn Thị H (Tức Nguyễn Văn Anh) và yêu cầu hủy giấy chứng nhận kết hôn số 01 giữa anh và người trong giấy chứng nhận kết hôn Nguyễn VĂN Ado anh bị lừa dối. Chị H tuy vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ việc nhưng chị H thông qua mẹ là bà Nguyễn Thị Luyến đã thừa nhận dùng tên giả để đăng ký kết hôn với anh M và đề nghị Tòa án hủy kết hôn giữa chị và anh M. Hội đồng xét xử xét thấy việc chị H sử dụng giấy tờ giả đã được cơ quan điều tra Công an huyện Thái Thụy xác minh thu thập chứng cứ thể hiện không có ai tên là Nguyễn Văn Anh, sinh năm 1988; tại địa chỉ khu phố 6, phường Hồng Hà, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh và giấy xác nhận kết hôn số 167/UBND – XNTTHN ngày 24/12/2018 của UBND phường Hồng Hà, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh là giả. Vì vậy cần hủy giấy chứng nhận kết hôn số 01 ngày 02/01/2019 giữa người mang tên Nguyễn VĂN A và anh Nguyễn Đức M do UBND xã A cấp. Anh M, chị H tuy có thời gian chung sống như vợ chồng nhưng khi đó chị H lấy tên là Nguyễn Văn Anh. Từ khi anh M phát hiện chị H sử dụng tên giả để kết hôn và phải chấp hành án phạt tù, chị H và anh M đã không còn tình cảm và không chung sống với nhau. Sau khi chị H chấp hành xong hình phạt tù, chị H và anh M không chung sống với nhau. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu anh M hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh M và chị H (Khi kết hôn khai là Văn Anh).

[3]. Về con chung: Anh M và chị H có một con chung là Nguyễn Ngọc Diệp C1, sinh ngày 13/3/2019. Xét thấy từ khi sinh ra đến nay cháu C1 được chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh M có nguyện vọng tiếp tục giao cho chị H trực tiếp nuôi cháu C1. Vì vậy, cần tiếp tục giao cho chị H nuôi dưỡng cháu C1 là phù hợp với quy định của Luật hôn nhân gia đình. Ghi nhận việc anh M tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu C1 số tiền là 1.000.000 đồng một tháng kể từ tháng 07 năm 2022 đến khi cháu C1 đủ 18 tuổi.

[4]. Về tài sản chung: Anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị H không có ý kiến trình bày nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết. Khi nào các đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[5]. Anh Nguyễn Đức M không phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự.

[6]. Đối với hành vi sử dụng giấy tờ giả của chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Đức M đã có đơn tố giác gửi Công an huyện Thái Thụy. Công an huyện Thái Thụy đã ra Quyết định tạm đình chỉ việc giải quyết nguồn tin về tội phạm số 03/2022/QĐ – CSĐT ngày 14/02/2022 nên sẽ được tách ra giải quyết bằng một vụ việc khác

khi lý do tạm đình chỉ không còn.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 27; điểm g, khoản 2 Điều 39; các Điều 367, 370, 371, 372 Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm b khoản 2 Điều 5; Điều 8; điểm d khoản 2 Điều 10; Các Điều 11, 12, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình; Thông tư liên tịch số 01/2016/TLLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016. Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH về án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của anh Nguyễn Đức M. Hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị Nguyễn Thị H (Khi kết hôn khai tên là Nguyễn Văn Anh) và anh Nguyễn Đức M. Hủy Giấy chứng nhận kết hôn số 01 của UBND xã Thụy Liên, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình cấp ngày 02 tháng 01 năm 2019.

2/ Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Diệp C1, sinh ngày 13/3/2019. Anh Nguyễn Đức M tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu C1 số tiền là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) một tháng kể từ tháng 7 năm 2022 đến khi cháu C1 đủ 18 tuổi. Anh M được quyền thăm nom, chăm sóc con chung. Anh M, chị H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, mức cấp dưỡng nuôi con chung khi cần thiết.

3/ Anh Nguyễn Đức M phải chịu lệ phí sơ thẩm là 300.000 đồng. Đối trừ số tiền 300.000 đồng anh M đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004127 ngày 21/4/2022, anh M đã nộp xong lệ phí.

4/ Anh Nguyễn Đức M có quyền kháng cáo trong hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định. UBND xã Thụy Liên, huyện Thái Thụy và chị Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc quyết định được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND huyện Thái Thụy;
- TAND và VKSND tỉnh Thái Bình.
- UBND xã Thụy Liên;
- Lưu.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Văn Vương